

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/KDTM-ST
Ngày: 28/8/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Chơn
2. Bà Hoàng Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025 và ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2025/TLST-KDTM ngày 13/01/2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP T**

Địa chỉ: , phường Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội .

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Ông Nông Văn H
2. Bà Nguyễn Anh T
3. Bà Nguyễn Hoàng O
4. Ông Trần Văn N

Cùng địa chỉ: Chi nhánh Bình Chánh - Ngân hàng TMCP T, Địa chỉ: Tầng trệt tòa nhà Hoàng Thập Plaza, Lô 6-7, đường số 9A, Khu dân cư Trung Sơn, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Nông Văn Hùng và ông Trần Văn Nam có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: **Công ty TNHH S**

Địa chỉ: , quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh (nay là phường Gia Định).

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1966, Địa chỉ: , Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Gia Định).

(Bà Phạm Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt lập ngày 01/8/2025)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Lê N**, sinh năm: 1977

Địa chỉ:, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

(nay là xã Phú Hựu)

(Ông Lê N vắng mặt)

2. Bà **Lê H**, sinh năm: 1979

Địa chỉ: , Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường An Nhơn).

(Bà Lê H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải và tại phiên toà thì Ngân hàng TMCP T và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP T trình bày như sau:

Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty S) là khách hàng vay vốn tại Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng T). Trên cơ sở đề nghị vay vốn, đề nghị thế chấp tài sản bảo đảm để đảm bảo cho khoản vay Công ty S của ông Lê N; Ngân hàng T đã cấp tín dụng cho Công ty S thông qua Hợp đồng tín dụng hạn mức số 11/2019/6836792/HĐTD ngày 09/08/2019 giữa Công ty S và Ngân hàng T. Cụ thể như sau:

Hạn mức cấp tín dụng: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng) gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng.

- Lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Trên cơ sở đó, Ngân hàng T đã giải ngân cho Công ty S theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Ngày vay	Số tài khoản vay	Số tiền đã giải ngân	Thời gian	Lãi suất trong hạn	Lãi suất quá hạn	Lãi chậm trả
29/10/2019	31782000093371	8,000,000,000	164 ngày	8.0%/ năm	150%	10%/năm
30/10/2019	31782000093414	8,000,000,000	163 ngày	8.1%/ năm	150%	10%/năm
30/10/2019	31782000093478	8,000,000,000	163 ngày	8.1%/ năm	150%	10%/năm
31/10/2019	31782000093539	8,000,000,000	165 ngày	8.1%/ năm	150%	10%/năm

Ngày vay	Số tài khoản vay	Số tiền đã giải ngân	Thời gian	Lãi suất trong hạn	Lãi suất quá hạn	Lãi chậm trả
06/12/2019	31782000096343	1,070,000,000	165 ngày	8.4%/ năm	150%	10%/năm
09/12/2019	31782000096501	8,700,000,000	165 ngày	8.4%/ năm	150%	10%/năm
12/12/2019	31782000096918	1,939,390,000	165 ngày	8.4%/ năm	150%	10%/năm
03/01/2020	31782000098923	650,000,000	163 ngày	8.4%/ năm	150%	10%/năm
22/01/2020	31782000100402	750,000,000	163 ngày	8.4%/ năm	150%	10%/năm
Tổng		45,109,390,000				

Đơn vị tính: Đồng.

Tài sản bảo đảm của khoản vay là Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 515 và 517, TĐĐ số 21, địa chỉ thửa đất: phường Phú Hữu, quận 09, Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 856258, số vào sổ cấp GCN: CS 06577 do Sở Tài nguyên môi trường TP.HCM cấp ngày 04/01/2017, cập nhật nhận sang tên ông Lê N ngày 03/06/2019 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 46/2019/6836792/HĐBĐ ngày 18/06/2019 được ký kết giữa ông Lê N và Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh Bình Chánh, được công chứng tại Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân Ngụ, ngày 18/06/2019, số công chứng 020992, quyển số 06/TP/CC-SCC/HĐGD.

(Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 9, kết quả đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/06/2019. Đăng ký xử lý tài sản bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Thủ Đức), kết quả đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 05/10/2023)

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, khoản nợ chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã tiến hành làm việc và đôn đốc Khách hàng trả hết toàn bộ dư nợ nhưng không có kết quả.

Tính đến ngày 27/8/2025, Công ty S còn nợ Ngân hàng T số tiền như sau: 48.902.450.758 đ (bốn mươi tám tỷ chín trăm lẻ hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn bảy trăm năm mươi tám đồng) bao gồm nợ tiền gốc: 27.774.390.000 đ (hai mươi bảy tỷ bảy trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng); nợ lãi: 21.128.060.758 đ (hai mươi một tỷ một trăm hai mươi tám triệu không trăm sáu mươi ngàn bảy trăm năm mươi tám đồng) gồm: lãi quá hạn: 14.863.681.273 đ (mười bốn tỷ tám trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm tám mươi một ngàn hai trăm bảy mươi ba đồng) và lãi phạt gốc quá hạn: 6.264.379.485 đ (sáu tỷ hai trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi lăm đồng).

Căn cứ Hợp đồng tín dụng, hồ sơ giải ngân, đã được các bên ký kết nêu trên; Ngân hàng T đề nghị Tòa án thụ lý, xem xét giải quyết buộc:

- Công ty S có nghĩa vụ phải thanh toán ngay cho Ngân hàng T toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, phí theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 11/2019/6836792/HĐTD ngày 09/08/2019 và các Hợp đồng tín dụng cụ thể kèm theo tạm tính đến hết ngày 27/8/2025 là: 48.902.450.758 đ (bốn mươi tám tỷ chín trăm lẻ hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn bảy trăm năm mươi tám đồng) bao gồm nợ tiền gốc:

27.774.390.000 đ (hai mươi bảy tỷ bảy trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng); nợ lãi: 21.128.060.758 đ (hai mươi một tỷ một trăm hai mươi tám triệu không trăm sáu mươi ngàn bảy trăm năm mươi tám đồng) gồm: lãi quá hạn: 14.863.681.273 đ (mười bốn tỷ tám trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm tám mươi một ngàn hai trăm bảy mươi ba đồng) và lãi phạt gốc quá hạn: 6.264.379.485 đ (sáu tỷ hai trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi lăm đồng); Công ty S phải thanh toán cho Ngân hàng T các chi phí khác như phí phạt quá hạn, phí thuê dịch vụ định giá độc lập, chi phí thu giữ tài sản, thuê bảo vệ, phí dịch vụ đấu giá... Công ty S phải tiếp tục thanh toán toàn bộ số tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 28/8/2025 cho đến khi Công ty S thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng T theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Trường hợp Công ty S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đối với Ngân hàng T, đề nghị Tòa tuyên Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý đối với các tài sản bảo đảm.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì Công ty S phải tiếp tục nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hết nợ.

Bà Phạm Thị T – người đại diện theo pháp luật của Công ty S (bị đơn): không có văn bản thể hiện ý kiến của Công ty S đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Ông Lê N và bà Lê H (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan): không đến Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Lê N và bà Lê H đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh

- Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp chính trong vụ án là hợp đồng tín dụng. Nguyên đơn lựa chọn Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết. Do đó, căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một

số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bà Phạm Thị T – người đại diện theo pháp luật của Công ty S (bị đơn) có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ông Lê N và bà Lê H (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH S (bị đơn), ông Lê N và bà Lê H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Căn cứ và hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngân hàng T cho Công ty S vay số tiền: 45.109.390.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay nêu trên, ông Lê N và bà Lê H đã dùng quyền sử dụng đất của phần đất có diện tích 837,7 m² thuộc thửa đất số 515, tờ bản đồ số 21, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh và phần đất có diện tích 61,9 m² thuộc thửa đất số 517, tờ bản đồ số 21, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 856258, sổ vào sổ cấp GCN: CS06577 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/01/2017 (được cập nhật sang tên cho ông Lê N ngày 03/6/2019 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Công ty S tại Ngân hàng T.

Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 27/8/2025, Công ty S còn nợ Ngân hàng T số tiền như sau: 48.902.450.758 đ (bốn mươi tám tỷ chín trăm lẻ hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn bảy trăm năm mươi tám đồng) bao gồm nợ tiền gốc: 27.774.390.000 đ (hai mươi bảy tỷ bảy trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng); nợ lãi: 21.128.060.758 đ (hai mươi một tỷ một trăm hai mươi tám triệu không trăm sáu mươi ngàn bảy trăm năm mươi tám đồng) gồm: lãi quá hạn: 14.863.681.273 đ (mười bốn tỷ tám trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm tám mươi một ngàn hai trăm bảy mươi ba đồng) và lãi phạt gốc quá hạn: 6.264.379.485 đ (sáu tỷ hai trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi lăm đồng).

[5] Trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Công ty S như nội dung trong yêu cầu khởi kiện phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với Công ty S.

[6] Về chi phí tố tụng:

Do yêu cầu của Ngân hàng T được chấp nhận nên Công ty S phải hoàn trả cho Ngân hàng T chi phí tố tụng mà Ngân hàng T đã tạm ứng trong quá trình Tòa án án giải quyết vụ án.

[7]. Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T được chấp nhận toàn bộ Công ty S phải chịu án phí trên số tiền mà Ngân hàng T được chấp nhận (48.902.450.758 đồng) là 156.902.451 đ (một trăm năm mươi sáu triệu chín trăm lẻ hai ngàn bốn trăm năm mươi một đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2025;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T đối với Công ty TNHH S về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng:

1.1 Buộc Công ty TNHH S thanh toán cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền nợ tính đến ngày 28/8/2025 của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 11/2019/6836792/HĐTD ngày 09/08/2019 giữa Ngân hàng TMCP T và Công ty TNHH S là 48.902.450.758 đ (bốn mươi tám tỷ chín trăm lẻ hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn bảy trăm năm mươi tám đồng) bao gồm nợ tiền gốc: 27.774.390.000 đ (hai mươi bảy tỷ bảy trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng); nợ lãi: 21.128.060.758 đ (hai mươi một tỷ một trăm hai mươi tám triệu không trăm sáu mươi ngàn bảy trăm năm mươi tám đồng) gồm: lãi quá hạn: 14.863.681.273 đ (mười bốn tỷ tám trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm tám mươi một ngàn hai trăm bảy mươi ba đồng) và lãi phạt gốc quá hạn: 6.264.379.485 đ (sáu tỷ hai trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi lăm đồng).

1.2 Kể từ ngày 29/8/2025, Công ty TNHH S còn phải tiếp tục chịu khoản lãi suất theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ký giữa Ngân hàng TMCP T và Công ty TNHH S cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

1.3 Ngay sau khi Công ty TNHH S thanh toán xong tất cả các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP T có trách nhiệm hoàn trả cho bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 856258, sổ vào sổ cấp GCN:CS 06577 do Sở TNMT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/01/2014 cho ông Lê N và bà Lê H.

1.4. Công ty TNHH S vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm là toàn bộ Quyền sử dụng đất của phần đất có diện tích 837,7 m² thuộc thửa đất số 515, tờ bản đồ số 21, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh và phần đất có diện tích 61,9 m² thuộc thửa đất số 517, tờ bản đồ số 21, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 856258, sổ vào sổ cấp GCN: CS06577 do Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/01/2017 (được cập nhật sang tên cho ông Lê N ngày 03/6/2019).

1.5. Nếu số tiền thu được từ bán, xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP T thì Công ty TNHH S vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay

2. Về chi phí tố tụng:

Công ty TNHH S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền chi phí tố tụng là 7.000.000 đ (mười triệu đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP T số tiền 76.358.319 đ (bảy mươi tám triệu ba trăm năm mươi tám ngàn ba trăm mười chín đồng) mà Ngân hàng TMCP T đã nộp theo theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0051755 ngày 10/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Công ty TNHH S chịu 156.902.451 đ (một trăm năm mươi sáu triệu chín trăm lẻ hai ngàn bốn trăm năm mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)

Nơi nhận:

- Các đương sự (4);
- VKSND khu vực 10-TPHCM(2);
- Thi hành án dân sự TPHCM (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Loan

